

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Số: 104 /ĐHBK-KHTC

THÔNG BÁO

Về mức học phí dự kiến các bậc đào tạo năm học 2021-2022

Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông báo các mức thu học phí dự kiến năm học 2021-2022 như sau:

Quy định chung mức thu học phí:

- Từ khoá 2019 bậc đại học (ĐH), cao học (CH) chính quy và từ khoá 2021 bậc đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH), đào tạo từ xa (ĐTTXa) học phí được thu theo trọn gói một học kỳ (HK). Học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính vào học phí học kỳ 2 ngay trước đó.
- Từ khóa 2020 trở về sau, học phí học lại của các học phần Giáo dục thể chất được tính theo đơn giá của Trung tâm Giáo dục Thể chất - ĐHQG-HCM.
- Các khoá và hình thức đào tạo khác, các học kỳ dự thính, hình thức dự thính: thu học phí theo tín chỉ (TC)/đơn vị học trình (ĐVHT).
- Sinh viên chuyển khóa học đến khóa sau, tính học phí theo nguyên tắc của khóa sau.
- Đối với cách thu học phí trọn gói theo học kỳ:
 - o Số tín chỉ định mức để tính học phí trọn gói cho một học kỳ:

Đại học	Đại học hình thức VLVH, ĐTTXa	Cao học Chất lượng cao (CLC)	Cao học từ khóa 2020 trở về trước	Cao học từ khóa 2021
17	14	16	12	15

- o Tín chỉ đăng ký vượt định mức được tính theo đơn giá tín chỉ.
- o Nhà trường xem xét giảm học phí cho sinh viên đăng ký ít hơn số tín chỉ định mức theo bảng sau:

Mức giảm	Số TC đăng ký/HK		
	Đại học	Cao học từ khóa 2020 trở về trước	Cao học từ khóa 2021
25%	≤ 12	≤ 9	≤ 12
50%		≤ 6	≤ 8
75%		≤ 3	≤ 4

Ghi chú: đối với Cao học CLC khóa 2020 trở về trước theo quy định tại mục II.1

I. SAU ĐẠI HỌC

1. Khóa 2018 về trước

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
Học phí đào tạo trình độ thạc sĩ		
1	Học phí cao học chính quy (ngành Quản trị kinh doanh)	660.000
2	Học phí cao học chính quy (các ngành còn lại)	770.000
3	Học phí cao học chính quy đối với các lớp có sĩ số học viên nhỏ hơn 10, các lớp mở tại địa phương, bồi dưỡng Sau Đại học, khối kiến thức bổ sung	1.150.000
4	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lại luận văn (4TC)	1.150.000
Học phí đào tạo trình độ tiến sĩ		
5	Học phí học phần tiến sĩ, chuyên đề đào tạo trình độ tiến sĩ	1.150.000
6	Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng Luận án tiến sĩ (LATS) các cấp) trong thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với Nghiên cứu sinh (NCS) đã có bằng Thạc sĩ (ThS), 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS)	11.000.000
7	Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng LATS các cấp) ngoài thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với NCS đã có bằng ThS, 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS)	14.000.000

2. Khóa 2019, Khoá 2020

- Học phí học kỳ của học viên cao học:
 - o Ngành Quản trị kinh doanh: 7.300.000 VNĐ/HK
 - o Các ngành còn lại: 8.800.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức là đơn giá học phí tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh: 12.000.000 VNĐ/HK.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ các ngành còn lại: 14.000.000 VNĐ/HK.
- Học phí học phần bồi dưỡng Sau đại học, ôn tập, chuyển đổi, khối kiến thức bổ sung (dành cho học kỳ hè), học phí cao học chính quy đối với các lớp mở tại địa phương: 1.150.000 VNĐ/TC.
- Học phí cao học chính quy mở trong học kỳ hè: 770.000 VNĐ/TC.
- Học phí chương trình liên thông đại học - thạc sĩ: 700.000 VNĐ/TC.

3. Khoá 2021

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 15.000.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.500.000 VNĐ/TC.
- Học phí của học viên bồi dưỡng Sau đại học, ôn tập, chuyển đổi, khối kiến thức bổ sung (dành cho học kỳ hè), học phí cao học chính quy đối với các lớp mở tại địa phương: 1.500.000 VNĐ/TC.

- Học phí chương trình liên thông đại học - thạc sĩ: 880.000 VNĐ/TC.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ: 25.000.000 VNĐ/HK.

II. THẠC SĨ CHẤT LƯỢNG CAO

1. Khoá 2020 trở về trước

- Học phí: 40.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.700.000 VNĐ/TC.
 - o Nhà trường xem xét giảm:
 - 20% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 12 TC/HK.
 - 30% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 10 TC/HK.
 - 60% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 6 TC/HK.
 - 80% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 3 TC/HK.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.700.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.700.000

2. Khoá 2021:

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 40.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.500.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.500.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.500.000

III. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Chính quy đại trà

- Khóa 2017, 2018: 385.000 VNĐ/TC.
- Khoá 2016 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
 - o Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 385.000 VNĐ/TC.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 740.000 VNĐ/TC.
- Riêng chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV):
 - o Khóa 2016, 2017, 2018: 223.000 VNĐ/ĐVHT.
 - o Khoá 2015 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):
 - Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 223.000 VNĐ/TC.
 - Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 428.000 VNĐ/TC.

- Cách tính học phí các học phần đặc thù:

STT	Tên học phần	Số TC	Số TC tính học phí	Số ĐVHT	Số ĐVHT/TC tính học phí
1	Đề cương luận văn	0	2	--	--
2	Các học phần Giáo dục Thể chất (GDTC) 1,2,3 và tương đương của các khóa từ K2019 trở về trước.	0	1	--	--
Các học phần đặc thù của chương trình PFIEV					
4	Học phần tiếng Pháp 6,7,8	--	--	0	3
5	Các học phần với Mã môn học đại trà	Tính bằng số tín chỉ của học phần chương trình đại trà			
6	Thực tập tốt nghiệp	--	--	0	4
7	Luận văn tốt nghiệp	--	--	10 20	15

- Khóa 2019, 2020: 6.400.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 385.000 VNĐ/TC.
 - o Học phí học lại của học phần GDTC của khóa 2019: 385.000 VNĐ/TC
- Từ khoá 2021: 12.500.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 740.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá tín chỉ học dự thính: 880.000 VNĐ/TC.
- Dự kiến học phí toàn khoá:

	2021 – 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024-2025
Khoá 2019	12.870.000 VNĐ/Năm	14.150.000 VNĐ/Năm		
Khoá 2020	12.870.000 VNĐ/Năm	14.150.000 VNĐ/Năm	15.565.000 VNĐ/Năm	
Khoá 2021	25.000.000 VNĐ/Năm	27.500.000 VNĐ/Năm	30.000.000 VNĐ/Năm	30.000.000 VNĐ/Năm

2. Chương trình Chất lượng cao (CLC), Tiên tiến (TT), Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật (CLC-TCTN), Tăng cường tiếng Nhật (TCTN), Liên kết quốc tế (LKQT), Chuyển tiếp quốc tế (CTQT)

- Khóa 2018 về trước: 1.850.000 VNĐ/TC
 - o Cách tính học phí các học phần đặc thù:

Nhóm	Cách tính học phí
Pháp luật Việt Nam đại cương; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa	$(0.2 * \text{số tín chỉ} * 1.850.000)$ VNĐ/ lần đăng ký

Mác Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
Nhập môn kỹ thuật (<i>Chương trình Tiên tiến</i>); Đề cương Luận văn tốt nghiệp; Chuyên đề Luận văn tốt nghiệp	3.700.000 VNĐ/ lần đăng ký
Giáo dục thể chất	(0.5 * 1.850.000) VNĐ/ học phần
Kỹ năng mềm	5.550.000 VNĐ/ lần đăng ký
Kỹ năng xã hội	3.700.000 VNĐ/ lần đăng ký

- Khóa 2015 trở về trước và khóa 2016 học đúng lộ trình (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):

- Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 1.850.000 VNĐ/TC.
- Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 2.035.000 VNĐ/TC.

- Khóa 2019

Chương trình	Học phí	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức
CLC/TT/LKQT/CTQT	30.000.000 VNĐ/ HK	1.850.000 VNĐ/ TC

○ Học phí học lại các học phần đặc thù:

Nhóm	Cách tính học phí
Giáo dục thể chất (GDTC)	Đơn giá: 1.850.000 VNĐ/TCHP Mỗi học phần GDTC quy đổi tương đương là 1 tín chỉ học phí (TCHP)
Kỹ năng mềm	5.550.000 VNĐ/ lần đăng ký
Kỹ năng xã hội	3.700.000 VNĐ/ lần đăng ký

- Khóa 2020

Chương trình	Học phí	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức
CLC/TT/LKQT/CTQT	30.000.000 VNĐ/ HK	1.850.000 VNĐ/ TC
CLC-TCTN, TCTN	25.000.000 VNĐ/ HK	845.000 VNĐ/ TC

○ Học phí học lại các học phần đặc thù:

Nhóm	Cách tính học phí
Kỹ năng mềm	5.550.000 VNĐ/ lần đăng ký
Kỹ năng xã hội	3.700.000 VNĐ/ lần đăng ký

- Từ khóa 2021:

o Dự kiến học phí toàn khóa

Chương trình \ Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
	CLC/TT/LKQT/CTQT	66.000.000 VNĐ/Năm	72.000.000 VNĐ/Năm	80.000.000 VNĐ/Năm
CLC-TCTN, TCTN	50.000.000 VNĐ/Năm	55.000.000 VNĐ/Năm	60.000.000 VNĐ/Năm	60.000.000 VNĐ/Năm

o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức:

Chương trình	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức
CLC/TT/LKQT/CTQT	2.035.000 VNĐ/TC
CLC-TCTN, TCTN	845.000 VNĐ/TC

o Học phí học lại các học phần đặc thù:

Nhóm	Cách tính học phí
Kỹ năng mềm	5.550.000 VNĐ/ lần đăng ký
Kỹ năng xã hội	3.700.000 VNĐ/ lần đăng ký
Các học phần tiếng Nhật	8.000.000 VNĐ/ lần đăng ký (kể từ lần học thứ 9)

- Đơn giá tín chỉ học dự thính:

- o Chương trình CLC/TT/LKQT/CTQT: 2.440.000 VNĐ/TC.
- o Chương trình CLC – TCTN, TCTN: 1.014.000 VNĐ/TC.

- Học phí sinh viên nước ngoài tính tương tự như sinh viên Việt Nam.

IV. ĐẠI HỌC BẰNG 2 BAN NGÀY, LIÊN THÔNG

- Khóa 2018, 2019, 2020: 385.000 VNĐ/TC.
- Khóa 2017 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
 - o Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 385.000 VNĐ/TC.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 740.000 VNĐ/TC.
- Từ khóa 2021: 12.500.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 740.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí các học phần đặc thù: như chính quy đại trà.
- Học phí dự thính học chung lớp dự thính chính quy đại trà: 880.000 VNĐ/TC.
- Dự kiến học phí toàn khóa:

	2021 – 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Khoá 2020	385.000 VNĐ/TC	423.000 VNĐ/TC	
Khoá 2021	25.000.000 VNĐ/Năm	27.500.000 VNĐ/Năm	30.000.000 VNĐ/Năm

V. ĐẠI HỌC BẰNG 2 BUỔI TỐI

- Khoá 2018, 2019, 2020: 577.000 VNĐ/TC.
- Khoá 2017 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
 - o Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 577.000 VNĐ/TC.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 900.000 VNĐ/TC.
- Từ khoá 2021: 15.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 900.000 VNĐ/TC.
 - o Đơn giá học phí tín chỉ học cùng chính quy đại trà: 900.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí các học phần đặc thù: như chính quy đại trà.
- Dự kiến học phí toàn khoá:

	2021 – 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Khoá 2020	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC	
Khoá 2021	30.000.000 VNĐ/Năm	33.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm

VI. VỪA LÀM VỪA HỌC

- Khoá 2016, 2017, 2018, 2019, 2020: 577.000 VNĐ/TC.
- Khoá 2015 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
 - o Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 577.000 VNĐ/TC.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 900.000 VNĐ/TC.
- Từ khoá 2021: 15.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 900.000 VNĐ/TC.
 - o Đơn giá học phí tín chỉ học cùng chính quy đại trà: 900.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí các học phần đặc thù: như chính quy đại trà.
- Dự kiến học phí toàn khoá:

	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Khoá 2018	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC			
Khoá 2019	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC		
Khoá 2020	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC	766.000 VNĐ/TC	
Khoá 2021	30.000.000 VNĐ/Năm	33.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm

VII. ĐÀO TẠO TỪ XA

- Khoá 2016, 2017, 2018, 2019, 2020: 577.000 VNĐ/TC.
- Khoá 2015 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
 - o Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 700.000 VNĐ/TC.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 900.000 VNĐ/TC.
- Từ khoá 2021: 10.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 700.000 VNĐ/TC.
 - o Các học phần học tập trung: 900.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí các học phần đặc thù: như chính quy đại trà.
- Dự kiến học phí toàn khoá:

	2021 – 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024-2025	2025-2026
Khoá 2018	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC			
Khoá 2019	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC		
Khoá 2020	577.000 VNĐ/TC	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC	766.000 VNĐ/TC	
Khoá 2021	20.000.000 VNĐ/Năm	22.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT (P.KHTC)



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Thiên Phúc